

Historic / Future Dates

Position	Country	Name	Category	ID	Raw Score	Points
1	Mongolia	Erdenegerel Ganzorig	Junior	J023	136	883
2	Mongolia	Naranzul Otgon-Ulaan (IGM)	Junior	J030	133	864
3	Mongolia	Nomin Norovpel (IMM)	Adult	A053	116	753
4	India	Vishvaa Rajakumar (IMM)	Adult	A048	111	721
5	Australia	Amirlangua Purevdavaa	Junior	J044	98	636
6	Viet Nam	Đặng Ngọc Phương Trinh	Adult	A040	95	617
7	Mongolia	Altantulga Erdenetungalag	Junior	J031	95	617
8	Mongolia	Maral Namsrai (IGM)	Junior	J041	93	604
9	Mongolia	Myanganbayar Gantulga (IMM)	Adult	A052	87	565
10	Viet Nam	Đặng Lê Huy	Junior	J016	84	545
11	Mongolia	Bolormaa Chinzorigt	Junior	J034	84	545
12	Mongolia	Gegeen-Oyun Munkhbat	Junior	J042	79	513
13	Viet Nam	Nguyễn Tân Hưng	Adult	A038	77	500
14	Mongolia	Bilguuntugs Elbegsaikhan (IMM)	Junior	J037	77	500
15	Mongolia	Enkhjin Narmandakh	Junior	J040	75	487
16	Mongolia	Purejav Erdenesaikhan (IGM)	Adult	A054	71	461
17	Mongolia	Urlee Purevgerel	Junior	J032	70	455
18	Australia	Guamaral Purevdavaa	Kid	K040	70	455
19	Australia	Unurbold Byambadorj	Junior	J045	69	448
20	Mongolia	Munkh-Orgil Sunduijantsan	Kid	K052	69	448
21	Mongolia	Lkhagvadorj Batbayar (IGM)	Adult	A055	68	442
22	Mongolia	Irmuun Odkhuu	Junior	J027	68	442
23	Mongolia	Gegee Enkhbold	Junior	J036	68	442
24	Mongolia	Selengemurun Batbayr (IMM)	Junior	J043	67	435
25	Mongolia	Misheel Batzorig	Kid	K048	67	435
26	China	Liwu Shen (IMM)	Adult	A046	64	416
27	Mongolia	Erkhzaya Zaya (IGM)	Kid	K051	64	416
28	Mongolia	Ariuntungalag Suvdmaa	Junior	J022	63	409
29	Mongolia	Enkhjin Enkhbayar	Junior	J028	61	396
30	Mongolia	Ankhiluun Lkhagvajav	Kid	K055	60	390
31	Germany	Dr. Gunther Karsten (GMM)	Senior	S006	60	390
32	Australia	Maral Oyunbat	Junior	J021	57	370
33	China	Qiyu Cang	Kid	K042	54	351
34	Mongolia	Emujin Zorigtbayar	Junior	J025	53	344
35	Mongolia	Angarag Amartugs	Junior	J038	53	344

36	Mongolia	Ganchuluun Siilen	Kid	K047	53	344
37	Mongolia	Suld-Erdene Badrakhbayar	Kid	K054	53	344
38	China	Sitong Yu	Kid	K043	50	325
39	Mongolia	Azjargal Dechinravdan	Junior	J033	49	318
40	Mongolia	Sondor Ganpurev	Kid	K053	49	318
41	Mongolia	Guanaran Narmandakh	Junior	J029	47	305
42	Mongolia	Anirlan Khurelchuluun	Kid	K050	45	292
43	China	Shiyu Li (IMM)	Adult	A045	40	260
44	Mongolia	Amina Odkhuu	Junior	J026	40	260
45	Mongolia	Lkhagvadorj Bayanmunkh	Kid	K046	40	260
46	Algeria	Leila Naziha Hafsi	Adult	A042	39	253
47	Mongolia	Maralmaa Gurvan-Erdene	Kid	K056	39	253
48	Mongolia	Enkh-Ujin Otgonbileg	Junior	J024	38	247
49	Algeria	Sarah Yasmine Hafsi	Adult	A043	33	214
50	Algeria	Meryem Yezza (IMM)	Adult	A044	31	201
51	Russia	Alina Kuliaeva	Junior	J046	30	195
52	Australia	Telmen Uugankhuu	Junior	J019	27	175
53	Mongolia	Siilen Uuganbayar	Junior	J039	27	175
54	Viet Nam	Thân Thị Kỳ Lại	Adult	A001	26	169
55	Philippines	Roberto Racasa	Adult	A056	26	169
56	Viet Nam	Tăng Nữ Hoài Ngân	Junior	J001	26	169
57	Viet Nam	Đặng Lê Quốc Bảo	Junior	J015	26	169
58	Australia	Temuulen Ulambayar	Kid	K039	26	169
59	Mongolia	Setsen Enkhbold	Junior	J035	25	162
60	Mongolia	Amirlan Saruulbuyan	Kid	K057	25	162
61	Viet Nam	Lê Mạnh Đông	Adult	A041	23	149
62	Australia	Urangoo Ulambayar	Junior	J020	21	136
63	Korea	Sooyoung Paek	Adult	A057	18	117
64	Mongolia	Yesukhei Enkhbayar	Kid	K049	17	110
65	Viet Nam	Hồ Gia Bách	Kid	K003	15	97
66	Viet Nam	Nguyễn Ngọc Phương Lam	Kid	K005	14	91
67	Viet Nam	Đào Thuận Phát	Kid	K014	14	91
68	Viet Nam	Hoàng Thị Sen	Adult	A013	12	78
69	Viet Nam	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Adult	A014	10	65
70	Malaysia	Ang Mui Hoon	Adult	A051	10	65
71	Viet Nam	Trần Hoàng Minh Long	Junior	J002	10	65
72	Malaysia	Lee Yi Xuen Celest	Junior	J047	10	65

73	Viet Nam	Hồ Nguyễn Thiên Phúc	Kid	K004	10	65
74	Viet Nam	Trần Ngọc Nhân	Adult	A012	9	58
75	Viet Nam	Hoàng Thị Vân	Adult	A017	9	58
76	Viet Nam	Đặng Quang Hưng	Adult	A037	9	58
77	Russia	Gaiane Kuriatova	Adult	A058	9	58
78	Viet Nam	Huỳnh Thiện Long	Junior	J003	9	58
79	Viet Nam	Phạm Ngọc Tài	Junior	J007	9	58
80	Viet Nam	Bùi Đức Huy	Junior	J017	9	58
81	Viet Nam	Lê Thị Mỹ Vương	Adult	A006	8	52
82	Viet Nam	Nguyễn Đình Phúc Nguyên	Kid	K013	8	52
83	Viet Nam	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Adult	A008	7	45
84	Viet Nam	Chu Ngọc Thắng	Adult	A010	7	45
85	Viet Nam	Nguyễn Đức Hoàng	Adult	A016	7	45
86	Viet Nam	Nguyễn Huyền	Adult	A019	7	45
87	Viet Nam	Vy Thị Ngân	Adult	A032	7	45
88	Viet Nam	Đặng Nguyễn Hoàng Phát	Kid	K002	7	45
89	Viet Nam	Nguyễn Đức An Nhân	Kid	K012	7	45
90	Viet Nam	Nguyễn Nữ Như Quỳnh	Adult	A007	6	39
91	Viet Nam	Phan Thanh Dũng	Adult	A009	6	39
92	Viet Nam	Nguyễn Thanh Thuận	Adult	A018	6	39
93	Viet Nam	Ngô Thành Phát	Junior	J004	6	39
94	Viet Nam	Trần Ngọc Bảo Trân	Junior	J009	6	39
95	Viet Nam	Nguyễn Đình Hoàng Minh	Kid	K009	6	39
96	Viet Nam	Trần Minh Cát Tường	Kid	K025	6	39
97	Viet Nam	Đàm Thảo Minh	Senior	S004	6	39
98	Viet Nam	Phan Thanh Trúc	Adult	A005	5	32
99	Viet Nam	Nguyễn Tiến An	Adult	A011	5	32
100	Viet Nam	Nguyễn Thị Vân Hà	Adult	A021	5	32
101	Viet Nam	Hồ Hoàng Vũ	Adult	A023	5	32
102	Viet Nam	Nguyễn Thị Mai Phương	Adult	A030	5	32
103	Viet Nam	Đặng Minh Quân	Junior	J013	5	32
104	Algeria	Aroua Tebbiche	Junior	J018	5	32
105	Viet Nam	Trần Gia Huy	Kid	K001	5	32
106	Viet Nam	Chu Thanh Vân	Adult	A020	4	26
107	Viet Nam	Đinh Thị Hồng	Adult	A029	4	26
108	Viet Nam	Võ Trần Thiên Nhân	Kid	K022	4	26
109	Viet Nam	Trần Việt Hùng	Kid	K023	4	26

110	Viet Nam	Lê Việt Phương	Adult	A003	3	19
111	Viet Nam	Phan Thị Xuân Hằng	Adult	A022	3	19
112	Viet Nam	Lê Thị Kim Tánh	Adult	A025	3	19
113	Viet Nam	Nguyễn Thúc Anh	Adult	A031	3	19
114	Viet Nam	Vay Nguyễn Gia Thy	Junior	J010	3	19
115	Viet Nam	Vũ Nguyễn Sara	Junior	J011	3	19
116	Viet Nam	Vũ Minh Châu	Kid	K024	3	19
117	Viet Nam	Huỳnh Thị Phương Uyên	Adult	A004	2	13
118	Viet Nam	Lê Anh Thuỷ	Adult	A028	2	13
119	Viet Nam	Đào Thị Châu Thành	Adult	A034	2	13
120	Viet Nam	Nguyễn Văn Lực	Adult	A036	2	13
121	Viet Nam	Lê Gia Bách	Junior	J012	2	13
122	Viet Nam	Trần Khánh Hưng	Kid	K026	2	13
123	Viet Nam	Khổng Gia Lâm	Kid	K036	2	13
124	Viet Nam	Trần Thị Thùy Dương	Adult	A035	1	6
125	Viet Nam	Trần Nhật Huy	Junior	J006	1	6
126	Viet Nam	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	Junior	J014	1	6
127	Viet Nam	Phạm Vĩnh Khang	Kid	K017	1	6
128	Viet Nam	Nguyễn Huyền Ngọc	Kid	K030	1	6
129	Viet Nam	Đặng Thị Tổ Quyên	Kid	K033	1	6
130	Viet Nam	Tạ Thị Ngọc Anh	Adult	A002	0	0
131	Viet Nam	Nguyễn Minh Quốc	Adult	A015	0	0
132	Viet Nam	Nguyễn Phước Lộc	Adult	A024	0	0
133	Viet Nam	Đặng Phú Gia	Adult	A026	0	0
134	Viet Nam	Hồ Diễm My	Adult	A027	0	0
135	Viet Nam	Phạm Thị Phương Trang	Adult	A033	0	0
136	Viet Nam	Trương Vũ Luân	Adult	A039	0	0
137	India	Neena Kalyan	Adult	A047	0	0
138	Italy	Enrico Marraffa	Adult	A049	0	0
139	Kazakhstan	Yerzhan Mynzhanov	Adult	A050	0	0
140	Algeria	Abdelkader Ibrahim Rassine (IMM)	Adult	A059	0	0
141	Viet Nam	Nguyễn An Khang	Junior	J005	0	0
142	Viet Nam	Thái Doãn Bách	Junior	J008	0	0
143	Viet Nam	Nguyễn Thái Dương	Kid	K006	0	0
144	Viet Nam	Lý Trần Minh Ánh	Kid	K007	0	0
145	Viet Nam	Nguyễn Hoàng Bách	Kid	K008	0	0
146	Viet Nam	Vương Đình Phúc Hưng	Kid	K010	0	0

147	Viet Nam	Nguyễn Đình Đức Uy	Kid	K011	0	0
148	Viet Nam	Le Pham Minh Hoang	Kid	K015	0	0
149	Viet Nam	Lê Thanh Trí Đông	Kid	K016	0	0
150	Viet Nam	Nguyễn Đức Tuấn	Kid	K018	0	0
151	Viet Nam	Ngô Đức Hùng	Kid	K019	0	0
152	Viet Nam	Tạ Phúc Khang	Kid	K020	0	0
153	Viet Nam	Võ Trần Long Nhi	Kid	K021	0	0
154	Viet Nam	Nguyễn Hồ Nhã Uyên	Kid	K027	0	0
155	Viet Nam	Lê Thiên An	Kid	K028	0	0
156	Viet Nam	Nguyễn Phước Bảo	Kid	K029	0	0
157	Viet Nam	Lê Huỳnh Minh Khang	Kid	K031	0	0
158	Viet Nam	Tổng Khả Ái	Kid	K032	0	0
159	Viet Nam	Trần Viết Minh Anh	Kid	K034	0	0
160	Viet Nam	Đỗ Bội Linh	Kid	K035	0	0
161	Viet Nam	Phạm Đức Kiên	Kid	K037	0	0
162	Viet Nam	Giáp Minh Ngọc	Kid	K038	0	0
163	China	Shuyuan Huang	Kid	K041	0	0
164	Czech	Lai Duc Duy Nguyen	Kid	K044	0	0
165	Germany	Alex Dinh	Kid	K045	0	0
166	Viet Nam	Vũ Thị Thái	Senior	S001	0	0
167	Viet Nam	Võ Thị Thơi	Senior	S002	0	0
168	Viet Nam	Nghiêm Tuấn Nghĩa	Senior	S003	0	0
169	America	Tom Tran	Senior	S005	0	0